

1982-as világbajnokság

Versenyző	Autó	RSA	BRA	USA	RSM	BEL	MCO	USA	CAN	AND	GBR	FRA	GER	AUT	SUI	ITA	RSA	Összes
1. Keke Rosberg	Williams - Ford FW07C	2	KZ	6														44
	Williams - Ford FW08					6	CN	3	CN	4	CN	2	4	6	9	0	2	
2. Didier Pironi	Ferrari 126C2	0	1	CN	9	NI	6	4	0	9	6	4	NI					39
3. John Watson	McLaren - Ford MP4B	1	6	1		9	CN	9	4	0	CN	CN	CN	CN	0	3	6	39
4. Alain Prost	Renault RE30B	9	9	CN	CN	CN	0	NO	CN	CN	1	6	CN	0	6	CN	3	34
5. Niki Lauda	McLaren - Ford MP4	3																30
	McLaren - Ford MP4B		CN	9		KZ	CN	CN	CN	3	9	0	NI	2	4	CN	CN	
6. Rene Arnoux	Renault RE30B	4	CN	CN	CN	CN	CN	0	CN	CN	CN	9	6	CN	0	9	CN	28
7. Michele Alboreto	Tyrrell - Ford 011	0	3	3	4	CN	0	CN	CN	0	CN	1	3	CN	0	2	9	25
Patrick Tambay	Ferrari 126C2									0	4	3	9	3	NI	6	CN	25
	Lotus - Ford 87B	0																
9. Elio de Angelis	Lotus - Ford 91		CN	2		3	2	CN	3	CN	3	CN	CN	9	1	CN	CN	23
	Brabham - BMW BT50	CN				CN				0	CN	CN	CN	CN	2	CN	CN	
10. Riccardo Patrese	Brabham - Ford BT49C		CN	4														21
	Brabham - Ford BT49D					9	CN	6										
	Brabham - BMW BT50	CN				2	CN	NK	9	6	CN	CN	CN	CN	3	CN	CN	
11. Nelson Piquet	Brabham - Ford BT49D		KZ	CN														20
	Ligier - Matra JS17	CN	CN															
12. Eddie Cheever	Ligier - Matra JS17B			CN		4		6	0									15
	Ligier - Matra JS19						CN			NK	CN	0	CN	CN	CN	1	4	
	Theodore - Ford TY01	0																
13. Derek Daly	Theodore - Ford TY02		CN	CN														8
	Williams - Ford FW08					CN	1	2	0	2	2	0	CN	CN	0	CN	1	
	Lotus - Ford 87B	CN																
14. Nigel Mansell	Lotus - Ford 91		4	0		CN	3	CN	CN		CN		0	CN	0	0	CN	7
	Williams - Ford FW07C	6	CN															
15. Carlos Reutemann	Williams - Ford FW07C	6	CN															6
Gilles Villeneuve	Ferrari 126C2	CN	CN	KZ	6	NI												6
17. Andrea de Cesaris	Alfa Romeo 179D	0																5
	Alfa Romeo 182		CN	CN	CN	CN	4	CN	1	CN	CN	CN	CN	CN	0	0	0	
	Ligier - Matra JS17	CN	CN															
Jacques Laffite	Ligier - Matra JS17B			CN		0		1	CN									5
	Ligier - Matra JS19						CN			CN	CN	0	CN	4	CN	CN	CN	
	Williams - Ford FW07C			CN														
19. Mario Andretti	Ferrari 126C2															4	CN	4
20. Jean-Pierre Jarier	Osella - Ford FA1C	CN	0	CN	3	CN	NK	CN	CN	0	CN	CN						3
	Osella - Ford FA1D												CN	NK	CN	CN	CN	
Marc Surer	Arrows - Ford A4					0	0	0	2	0	CN	0	1	CN		CN		3
	Arrows - Ford A5														0		0	
22. Manfred Winkelhock	ATS - Ford T5	0	2	CN	KZ	CN	CN	CN	NK	0	NK	0	CN	CN	CN	NK	NO	2
Eliseo Salazar	ATS - Ford T5	0	CN	CN	2	CN	CN	CN	CN	0	NK	CN	CN	NK	0	0	CN	2
22. Bruno Giacomelli	Alfa Romeo 179D	0																2
	Alfa Romeo 182		CN	CN	CN	CN	CN	CN	0	0	0	2	CN	0	CN	0		
	Arrows - Ford A4	NK	0	NK		CN	NK	CN	0	1	0	CN	CN	1	NK		0	
26. Mauro Serra	Arrows - Ford A5																0	1
	Fittipaldi - Ford F8D	0	CN	NK		1	NK	0	NK	CN	CN							
Fittipaldi - Ford F9												NK	0	0	NK	0	CN	
Raul Boesel	March - Ford 821	0	CN	0		0	NK	CN	CN	CN	NK	NK	CN	NK	CN	NK	0	-
Slim Borgudd	Tyrrell - Ford 011	0	0	0														-
Tommy Byrne	Theodore - Ford TY02												NK	CN	NK	NK	CN	-
Teo Fabi	Toleman - Hart TG181B	NK	NK															-
	Toleman - Hart TG181C			NK	NO	CN	NK			NK	CN	CN	NK	CN	CN	CN	NK	
Roberto Guerrero	Ensign - Ford N180B	NK																-
	Ensign - Ford N181		NK	CN		NK	NK	CN	CN	NK	CN	NK	0	CN	CN	NO	NI	
Brian Henton	Arrows - Ford A4	NK	NK	CN														-
	Tyrrell - Ford 011				CN	CN	0	0	NO	CN	0	0	0	CN	0	CN	0	
Rupert Keegan	March - Ford 821											NK	CN	CN	NK	0		-
Jan Lammers	Theodore - Ford TY02					NK	NK	NK		CN	NK	NK						-
Geoff Lees	Theodore - Ford TY02								CN									-
	Lotus - Ford 91											0						
Jochen Mass	March - Ford 821	0	0	0		CN	NK	0	0	CN	0	CN						-
Roberto Moreno	Lotus - Ford 91											NK						-
Riccardo Paletti	Osella - Ford FA1C	NK	NK	NK	CN	NK	NK	NI	CN									-
Emilio de Villota	March - Ford 821					NK	NK	NK	NK	NK								-
Derek Warwick	Toleman - Hart TG181C	CN	NK	NK	NI	CN	NK				CN	CN	0	0	CN	CN		-
	Toleman - Hart TG183															CN	CN	

Konstruktőr	Motor / Gumi	RSA	BRA	USA	RSM	BEL	MCO	USA	CAN	AND	GBR	FRA	GER	AUT	SUI	ITA	RSA	Összes
1. Ferrari	Ferrari / Goodyear	0	1	0	15	0	6	4	0	9	10	7	9	3	0	10	0	74
2. McLaren	Ford / Michelin	4	6	10		9	0	9	4	3	9	0	0	2	4	3	6	69
3. Renault	Renault / Michelin	13	9	0	0	0	0	0	0	0	1	15	6	0	6	9	3	62
4. Williams	Ford / Goodyear	8	0	6		6	1	5	0	6	2	2	4	6	9	0	3	58
5. Brabham	BMW / Goodyear	0				2	0	0	9	6	0	0	0	0	5	0	0	41
	Ford / Goodyear	0	0	4			9	0	6									
6. Lotus	Ford / Goodyear	0	4	2		3	5	0	3	0	3	0	0	9	1	0	0	30
7. Tyrrell	Ford / Goodyear	0	3	3	4	0	0	0	0	0	0	1	3	0	0	2	9	25
8. Ligier	Matra / Michelin	0	0	0		4	0	7	0	0	0	0	0	4	0	1	4	20
9. Alfa Romeo	Alfa Romeo / Michelin	0	0	0	0	0	4	0	1	0	0	0	2	0	0	0	0	7
10. Arrows	Ford / Pirelli	0	0	0		0	0	0	2	1	0	0	1	1	0	0	0	5
	ATS	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
	Osella	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
	Fittipaldi	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
	Theodore	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
	March	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
	Ensign	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-
	Toleman	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	-

Rövidítés-magyarázat:

CN = Célbaérés nélkül
 NI = Nem indult
 NK = Nem kvalifikált
 NO = Nem osztályozták
 KA = Kiálltva
 KZ = Kizárt